

Số: 30 /ĐA-BV

Đại Lộc, ngày 17 tháng 01 năm 2025

ĐỀ ÁN

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết để xây dựng đề án

Căn cứ tình hình, đặc điểm, khối lượng, quy mô, tính chất, yêu cầu hoạt động tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam và mục tiêu phát triển của đơn vị, bên cạnh việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy viên chức đảm bảo hiệu lực, hiệu quả việc cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam để đảm bảo yêu cầu năng lực đội ngũ phục vụ cho hoạt động chuyên môn tại đơn vị trong tình hình mới là hết sức cần thiết.

Hiện nay, đội ngũ viên chức đã tiếp tục được kiện toàn về số lượng, chất lượng; nhiều viên chức đã có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, đáp ứng yêu cầu công việc, khung năng lực vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đội ngũ theo yêu cầu vị trí việc làm, bố trí viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhận vị trí công việc, tạo điều kiện cho việc bố trí, sử dụng hiệu quả, phát huy năng lực đội ngũ trong thời gian tới; đồng thời khuyến khích và tạo động lực nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ viên chức, Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện. Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức Bệnh viện là giải pháp quan trọng trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhằm đảm bảo thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế & chức danh hành chính hạng IV đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo chức danh nghề nghiệp hạng III. Tạo điều kiện để viên chức y tế đã được đào tạo nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, đảm bảo quyền lợi ích của viên chức & nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức y tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu cơ cấu viên chức đảm bảo thực hiện theo đề án vị trí việc làm trong Bệnh viện.

II. Cơ sở pháp lý để xây dựng đề án

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

2. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện các quy định về thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

4. Thông tư số 06/2021/TT-BYT ngày 06/5/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi, xét thăng hạng và nội dung, hình thức, việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

5. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 06/2021/TT-BYT ngày 06/5/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi, xét thăng hạng và nội dung, hình thức, việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

6. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ; Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ; Thông tư số 08/2021/TT-BKHCN ngày 27/10/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác

định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

7. Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

8. Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

10. Công văn số 5032/BYT-TCCB ngày 15/9/2022 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

11. Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Phần II NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC ĐÍCH:

Nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức y tế và đáp ứng yêu cầu cơ cấu viên chức thực hiện theo Đề án vị trí việc làm trong Bệnh viện.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

Viên chức làm việc tại các khoa, phòng thuộc Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam tại các vị trí có nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đáp ứng các điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định.

III. THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐĂNG KÝ DỰ XÉT

1. Thực trạng số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của đơn vị:

Tổng số viên chức cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp: 431 người; trong đó:

- CDNN viên chức Hạng II: 17 người
- CDNN viên chức Hạng III: 253 người
- CDNN viên chức Hạng IV: 161 người

- CDNN viên chức Hạng V: 0 người

2. Nhu cầu đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức đang giữ hạng chức danh nghề nghiệp Hạng IV tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam đăng ký dự xét thăng hạng tính đến ngày 30/11/2024 là 24 viên chức.

3. Chỉ tiêu xét thăng hạng

3.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- a) Thăng hạng lên Kỹ sư hạng III: 01 người.
- b) Thăng hạng lên Điều dưỡng hạng III: 12 người.
- c) Thăng hạng lên Hộ sinh hạng III: 3 người.
- d) Thăng hạng lên Kỹ thuật y hạng III: 5 người.
- e) Thăng hạng lên Dược sĩ hạng III: 01 người.
- f) Thăng hạng lên Kế toán viên hạng III: 02 người

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

3.2. Danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn được dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức đang làm việc tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng

2.1. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng (trừ trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó không có hạng dưới liền kề theo quy định của ngành y tế).

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng (trừ trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó không có hạng dưới liền kề theo quy định của ngành y tế).

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể dự xét thăng hạng của từng hạng chức danh nghề nghiệp:

2.2.1. Thăng hạng lên Kế toán viên - Mã số V.06.031

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

- Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

- Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

- Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;



- Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

c) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

d) Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2.2.2. Thăng hạng lên Kỹ sư (hạng III) - Mã số: V.05.02.07

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Nắm được đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành và đơn vị; tình hình kinh tế - xã hội nói chung và những thành tựu, xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và thế giới liên quan đến ngành và đơn vị;

- Nắm chắc nội dung, nghiệp vụ quản lý và phương pháp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại đơn vị. Nắm chắc các đối tượng tác động của khoa học và công nghệ trong phạm vi hoạt động, các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động;

- Có năng lực chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc dự án, công trình, đồ án cấp III thuộc chuyên ngành kỹ thuật.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Kỹ sư hạng III;

c) Yêu cầu về thời gian công tác đối với viên chức dự xét thăng hạng lên Kỹ sư (hạng III): Viên chức thăng hạng từ Kỹ thuật viên (hạng IV) lên Kỹ sư (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh Kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu đủ 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.3. Thăng hạng lên Điều dưỡng hạng III - Mã số: V.08.05.12

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Hiểu biết về sức khỏe, bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng, sử dụng quy trình điều dưỡng làm cơ sở để lập kế hoạch chăm sóc và thực hiện can thiệp điều dưỡng bảo đảm an toàn cho người bệnh và cộng đồng;

- Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, sơ cứu, cấp cứu và đáp ứng hiệu quả khi có tình huống cấp cứu, dịch bệnh và thảm họa;

- Có kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe và giao tiếp hiệu quả với người bệnh và cộng đồng;

- Có kỹ năng đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, hợp tác với đồng nghiệp và phát triển nghề nghiệp;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học ngành Điều dưỡng.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh điều dưỡng).

c) Yêu cầu về thời gian công tác đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh

nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Điều dưỡng hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.4. Thăng hạng lên Hộ sinh hạng III - Mã số: V.08.06.15

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Hiểu biết về quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực sản phụ khoa và sơ sinh;

- Hiểu biết các nguyên tắc trong chăm sóc sức khỏe ban đầu và công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Có năng lực giao tiếp, thuyết trình và ứng xử linh hoạt, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập;

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học ngành Hộ sinh hoặc có bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản trước ngày 10/5/2023.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hộ sinh hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh hộ sinh).

c) Yêu cầu về thời gian công tác đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Hộ sinh hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.5. Thăng hạng lên Kỹ thuật y hạng III - Mã số: V.08.07.18

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có năng lực thực hiện thành thạo kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;

- Có năng lực sử dụng thành thạo và bảo quản trang thiết bị phục vụ chuyên môn;

- Có năng lực phân tích, kiểm tra, giám sát quy trình kỹ thuật; đề xuất giải pháp bảo đảm chất lượng kỹ thuật chuyên môn trong phạm vi được giao.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kỹ thuật y học; đại học ngành Kỹ thuật phục hình răng.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ thuật y hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (dùng cho các hạng chức danh kỹ thuật y).

c) Yêu cầu về thời gian công tác đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Kỹ thuật y hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2.6. Thăng hạng lên Dược sĩ hạng III - Mã số: V.08.08.22

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

- Hiểu biết quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Có kỹ năng tổ chức và thực hành tốt trong các lĩnh vực kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm;

- Có kỹ năng thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia;

- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Dược học.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược).

c) Yêu cầu về thời gian công tác đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV lên chức danh nghề nghiệp Dược hạng III



phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Dược hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh Dược hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

3. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Thành phần hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP như sau:

1. Sơ yếu lý lịch dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (theo mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 Bộ Nội vụ), được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi, có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng viên chức;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định;

3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

4. Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ của hạng chức danh nghề nghiệp viên chức dự xét thăng hạng.

5. Bản sao Quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp; các quyết định thay đổi ngạch/chức danh nghề nghiệp (nếu có); quyết định bổ nhiệm vào ngạch/ chức danh nghề nghiệp hiện giữ; quyết định lương hiện hưởng (được cơ quan có thẩm quyền chứng thực).

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng.

4. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng

4.1. Thời gian

Dự kiến tổ chức thực hiện trong Quý II năm 2025.

4.2. Địa điểm: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

5. Hình thức, nội dung xét thăng hạng

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ dự xét theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của chức danh dự xét thăng hạng.

- Nội dung: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, thẩm định hồ sơ của viên chức dự xét theo quy định của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng; đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

6. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

6.1. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển chung: Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng thẩm định là viên chức đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

6.2. Một số nội dung riêng đối với từng vị trí:

a) Đối với viên chức chuyên ngành y tế

Trường hợp số lượng người đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhiều hơn số lượng người làm việc của chức danh nghề nghiệp đó được xác định theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp trong Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp y tế công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lựa chọn một trong các hình thức sau:

- Xem xét theo các thứ tự ưu tiên: thành tích nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn đơn vị công tác; số năm giữ hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ; kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức 02 năm liền kề năm tổ chức xét thăng hạng.

- Xem xét thông qua kết quả kiểm tra, sát hạch. Việc kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

b) Đối với viên chức chuyên ngành khoa học công nghệ

- Trường hợp số viên chức đăng ký dự xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III vượt quá chỉ tiêu xét thăng hạng thì thực hiện quy đổi điểm khi thẩm định tiêu chuẩn về năng lực chủ trì, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghiên cứu viên) hoặc năng lực chủ trì, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án, công trình, đồ án chuyên ngành kỹ thuật (đối với trường hợp xét thăng hạng lên chức danh kỹ sư). Xác định người trúng tuyển theo thứ tự điểm quy đổi từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao. Việc tính điểm quy đổi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20/01/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.



- Trường hợp có từ 02 người trở lên có số điểm quy đổi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau: viên chức là nữ; viên chức là người dân tộc thiểu số; viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

6.3. Nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng Bệnh viện đề xuất Giám đốc Bệnh viện quyết định người trúng tuyển.

6. Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam năm 2024 (sau đây gọi là Hội đồng xét thăng hạng viên chức Bệnh viện) do Giám đốc Bệnh viện thành lập, dự kiến có 05 thành viên:

- Lãnh đạo Bệnh viện: Chủ tịch Hội đồng;
- Trưởng phòng Tổ chức cán bộ: Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng;
- 01 Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ: Ủy viên;
- Trưởng ban TTND: Ủy viên;
- 01 viên chức phòng Tổ chức cán bộ: Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

V. KINH PHÍ, LỆ PHÍ, NỘI QUY, QUY CHẾ TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Kinh phí, lệ phí

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. (Hội đồng sẽ thông báo sau).

Kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được sử dụng từ nguồn thu lệ phí dự thi.

2. Nội quy, quy chế:

Nội quy, quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2024 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế Quảng Nam

- Kiểm tra, thẩm định Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam trước khi trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để thống nhất chỉ tiêu thăng hạng và tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

2. Giám đốc Bệnh viện

- Quyết định thành lập Hội đồng, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện.
- Phê duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng.
- Công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đề nghị của Hội đồng xét thăng hạng.

3. Hội đồng xét thăng hạng Bệnh viện

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định pháp luật hiện hành, nội quy, quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

- Thành lập các Ban giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng theo quy định tại Điều 2 Quy chế tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

4. Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện

Phòng Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng Bệnh viện có nhiệm vụ:

- Tham mưu Giám đốc Bệnh viện quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng, Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng Bệnh viện.
- Tham mưu, đề nghị Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng Bệnh viện quyết định thành lập các ban giúp việc của Hội đồng.
- Căn cứ vào vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Bệnh viện, lập danh sách cử viên chức đúng đối tượng, đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện dự xét và tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng của viên chức.
- Tổng hợp danh sách, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng Bệnh viện năm 2024 trình Giám đốc Bệnh viện phê duyệt danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng.
- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận có liên quan tham mưu việc tổ chức kỳ xét theo đúng quy định và theo Đề án này.
- Tham mưu, báo cáo Hội đồng xét của Bệnh viện trình Giám đốc Bệnh viện kết quả xét thăng hạng và quyết định công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng.

5. Các khoa, phòng và viên chức tham dự xét thăng hạng

- Các khoa, phòng có trách nhiệm phối hợp cử cán bộ có năng lực, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng xét thăng hạng tham gia Hội đồng, các Ban của Hội đồng xét thăng hạng khi có yêu cầu và thực hiện một số nội dung khác có liên quan.

- Viên chức dự xét thăng hạng phải được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt.

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam kính đề nghị Sở Nội vụ Quảng Nam, Sở Y tế Quảng Nam xem xét, cho ý kiến để Bệnh viện triển khai tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ Quảng Nam;
- Sở Y tế Quảng Nam;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thống Nhất

TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức				Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam											
1	CDNN viên chức Bác sĩ	172		17	155							
2	CDNN viên chức Điều dưỡng	130			35	95				12		
3	CDNN viên chức Kỹ thuật Y	46			22	24				5		
4	CDNN viên chức Hộ sinh	28			9	19				3		
5	CDNN viên chức Y sĩ	5				5						
6	CDNN viên chức Dược sĩ	16			6	10				1		
7	CDNN viên chức hành chính	4			3	1						
8	CDNN viên chức kế toán	19			15	4				2		
9	CDNN viên chức KH công nghệ	11			8	3				1		
Tổng cộng		431	0	17	253	161	0	0	0	24	0	0



DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP LÊN HẠNG III

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số CDNN đề nghị thăng hạng 2024	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi/xét					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
01	Võ Thị Diễm Thanh		12/02/1981	CD Điều dưỡng	Khoa YHCT, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Tin ứng dụng B	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
02	Huỳnh Thị Thúy Kiều		06/06/1984	CD Điều dưỡng	Khoa HSTC-CD, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,65	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
03	Nguyễn Thị Bích Hiền		02/03/1989	CD Điều dưỡng	Khoa HSTC-CD, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
04	Nguyễn Thị Loan		16/12/1989	CD Điều dưỡng	Khoa HSTC-CD, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
05	Nguyễn Thị Như Ý		15/06/1990	CD Điều dưỡng	Khoa Thân NT, BVĐKKVMNP BQN	01/02/2017	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
06	Nguyễn Thị Hải		24/10/1986	CD Điều dưỡng	Khoa Thân NT, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
07	Võ Thị Đào		05/05/1991	CD Điều dưỡng	Khoa Thân NT, BVĐKKVMNP BQN	01/02/2017	3,03	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐĐ			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số CDNN đề nghị thăng hạng 2024	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi/xét					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
08	Trần Thị Kim Phương		16/08/1990	CD Điều dưỡng	Khoa Nội Tim mạch, BVĐKKVMNP BQN	01/12/2017	3,03	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐD			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
09	Nguyễn Thị Kim Hoàng		11/05/1989	CD Điều dưỡng	Khoa Nội Tim mạch, BVĐKKVMNP BQN	01/02/2017	3,03	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐD			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
10	Lê Văn Huân	07/07/1988		CD Điều dưỡng	Khoa GMHS, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐD			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
11	Đào Thị Thắm		15/11/1990	CD Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh, BVĐKKVMNP BQN	01/02/2017	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐD			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
12	Nguyễn Thị Phương Dung		12/04/1988	CD Điều dưỡng	Cơ sở 2, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.05.13	V.08.05.12	CNĐD			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
13	Nguyễn Thị Ngọc Thúy		09/06/1989	CD Dược	Khoa Dược, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,03	V.08.08.23	V.08.08.22	DSĐH			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
14	Nguyễn Ngọc Tại	10/12/1986		CD HAYH	Khoa CDHA, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.07.19	V.08.07.18	CN HAYH			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
15	Võ Ngọc Thành	24/05/1990		CD HAYH	Khoa CDHA, BVĐKKVMNP BQN	01/02/2017	3,03	V.08.07.19	V.08.07.18	CN HAYH			Tin ứng dụng B	Anh văn C					Không vi phạm kỷ luật
16	Nguyễn Thị Như Ý		01/01/1984	CD Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm, BVĐKKVMNP BQN	01/05/2015	3,65	V.08.07.19	V.08.07.18	CN XN			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B1					Không vi phạm kỷ luật

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số CDNN đề nghị thăng hạng 2024	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi/xét					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
17	Trần Thị Thu Thảo		25/07/1989	CD Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.07.19	V.08.07.18	CN XN			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B1					Không vi phạm kỷ luật
18	Nguyễn Thị Mai Thi		15/01/1990	CD Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm, BVĐKKVMNP BQN	01/02/2017	3,34	V.08.07.19	V.08.07.18	CN XN			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
19	Lê Thị Thanh Tâm		24/03/1999	CD Hộ sinh	Khoa Sản, BVĐKKVMNP BQN		2,1	V.08.06.16	V.08.06.15	CN Điều dưỡng Sản phụ khoa			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B1					Không vi phạm kỷ luật
20	Nguyễn Thị Ngọc Thu		16/05/1984	CD Hộ sinh	Khoa Nhi, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	V.08.06.16	V.08.06.15	CN Điều dưỡng Sản phụ khoa			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
21	Đặng Thị Thúy		20/06/1976	CD Hộ sinh	Khoa Dinh dưỡng, BVĐKKVMNP BQN	01/05/1998	4,27	V.08.06.16	V.08.06.15	CN Điều dưỡng Sản phụ khoa			Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
22	Lê Ngọc Sơn	25/03/1987		CD CNTT	Phòng VT-TBYT, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,46+0,15	V.05.02.08	V.05.02.07	Kỹ sư Điện - Điện tử		Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh công nghệ	Ứng dụng CNTT CB	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật
23	Lê Thị Minh Sang		08/11/1978	Kế toán viên trung cấp	Phòng Kế toán - Tài chính, BVĐKKVMNP BQN	01/06/2005	3,96	06.032	V.06.031	Cử nhân Kế toán		Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	Tin ứng dụng B	Anh văn B					Không vi phạm kỷ luật

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số CDNN đề nghị thăng hạng 2024	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi/xét					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng CDNN hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
24	Văn Thị Minh Chiến		05/05/1987	Kế toán viên trung cấp	Phòng Kế toán - Tài chính, BVĐKKVMNP BQN	10/01/2016	3,34	06.032	V.06.031	Cử nhân Kế toán		Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kế toán viên	Ứng dụng CNTT CB	Anh văn C					Không vi phạm kỷ luật